

NHẬN DIỆN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP KIỂM SOÁT TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG

VĂN PHẠM TÙNG QUÂN

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City Open University

Email: vanphamtungquan0908@gmail.com

Ngày nhận bài: 3/7/2026

Ngày sửa bài: 21/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 4/8/2026

Tóm tắt:

Trong quan hệ giữa chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp và nền tảng được tích hợp, quyền quyết định kết nối, hiển thị, truy cập dữ liệu và chấm dứt tích hợp có thể ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận thị trường. Bài viết phân biệt 4 tư cách pháp lý, gồm: (1) Nền tảng thương mại điện tử tích hợp; (2) Nền tảng số lớn; (3) Doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh; (4) Chủ thể kiểm soát việc tiếp cận thị trường. Trên cơ sở phân tích Luật Thương mại điện tử năm 2025, Luật Cạnh tranh năm 2018 và tham khảo cơ chế chỉ định doanh nghiệp gác cổng của Liên minh châu Âu, bài viết đề xuất cách nhận diện 2 bước theo từng dịch vụ, gồm: sàng lọc định lượng và đánh giá vai trò cửa ngõ, mức độ phụ thuộc cùng tính bền vững của quyền kiểm soát. Đồng thời, bài viết kiến nghị quy định thủ tục chỉ định, quyền giải trình, bảo vệ bí mật kinh doanh, rà soát định kỳ và mối quan hệ bổ sung với pháp luật cạnh tranh.

Từ khóa: nền tảng thương mại điện tử tích hợp, kiểm soát tiếp cận thị trường, nền tảng số lớn, quyền lực gác cổng, cạnh tranh số.

Identifying integrated e-commerce platforms controlling market access

Abstract:

In relationships between integrated e-commerce platform operators and integrated platforms, control over connectivity, display, data access, and termination of integration may directly affect market access. This study distinguishes four legal statuses: integrated e-commerce platforms, large digital platforms, dominant undertakings, and undertakings controlling market access. Based on Vietnam's 2025 Law on E-Commerce, the 2018 Law on Competition, and the European Union's gatekeeper designation mechanism, the study proposes a service-specific two-stage identification approach combining quantitative screening with assessment of gateway function, significant dependence, and the durability of control. It also recommends establishing designation procedures, rights of explanation, protection of business secrets, periodic review, and a complementary relationship between this proposed legal status and competition law.

Keywords: integrated e-commerce platform, market access control, large digital platform, gatekeeping power, digital competition

1. Đặt vấn đề

Khoản 6 Điều 3 Luật Thương mại điện tử năm 2025 xác định nền tảng thương mại điện tử tích hợp là nền tảng cho phép tích hợp nền tảng thương mại điện tử khác. Khác với quan hệ giữa sản giao dịch và người bán, chủ quản nền tảng tích hợp quyết định việc kết nối, phạm vi giao diện lập trình ứng dụng, trao đổi dữ liệu, hiển thị dịch vụ và chấm dứt kết nối. Vì vậy, quyền quản lý kỹ thuật có thể quyết định khả năng tiếp cận người dùng của nền tảng được tích hợp.

Khoản 2 Điều 19 Luật Thương mại điện tử năm 2025 áp dụng 2 nghĩa vụ khi chủ quản nền tảng tích hợp đồng thời là nền tảng số lớn: không buộc nền tảng được tích hợp sử dụng dịch vụ do mình cung cấp hoặc chỉ định, trừ thỏa thuận hợp tác rõ ràng, minh bạch; và không ngăn cản họ kinh doanh hoặc giao kết với nền tảng bên ngoài. Điều 20 Nghị định số 248/2026/NĐ-CP quy định thêm trách nhiệm thông tin, sự đồng ý khi truy cập, quyền truy cập dữ liệu, cập nhật danh sách và gỡ bỏ theo yêu cầu có thẩm quyền.

Vấn đề là điều kiện xác định chủ thể chịu nghĩa vụ tăng cường. Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP coi nền tảng phục vụ giao dịch điện tử là nền tảng số lớn khi có từ 3.000.000 tài khoản hoạt động hằng năm tại Việt Nam hoặc thuộc nhóm nền tảng số trung gian quy mô lớn, rất lớn. Nghị định số 137/2024/NĐ-CP cũng phân loại theo số người sử dụng. Các ngưỡng này phản ánh quy mô nhưng không cho biết dịch vụ tích hợp nào tạo sự phụ thuộc, mức độ phụ thuộc và khả năng thay thế.

Bài viết trả lời hai câu hỏi: điều kiện nào xác định nền tảng tích hợp có khả năng kiểm soát việc tiếp cận thị trường của nền tảng được tích hợp và thủ tục nào bảo đảm chỉ định đúng đối tượng? Phạm vi chỉ gồm quan hệ tại Điều 19; dữ liệu về người bán hoặc người dùng cuối chỉ là chứng cứ khi phản ánh sự phụ thuộc của nền tảng thành viên.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Nghiên cứu về thị trường nhiều phía và quyền lực trung gian

Rochet và Tirole (2003) cùng Hagiu và Wright (2015) giải thích nền tảng nhiều phía bằng tương tác và hiệu ứng mạng chéo. Quy mô có thể tạo lợi thế nhưng không tự chứng minh quyền lực của ngõ nếu đối tác dễ sử dụng nhiều nền tảng, chuyển dữ liệu và kết nối với chi phí thấp.

Belleflamme và Peitz (2019) cho thấy việc sử dụng đồng thời nhiều nền tảng ảnh hưởng sức ép cạnh tranh. Cennamo (2021) phân biệt quy mô hệ sinh thái với phạm vi cạnh tranh của từng dịch vụ. Do đó, cần đánh giá khả năng thay thế, chi phí chuyển đổi và sự phụ thuộc, không chỉ số tài khoản.

Graef (2019) phân tích bất cân xứng và phụ thuộc kinh tế trong quan hệ nền tảng với người dùng kinh doanh. Fletcher (2023), Larouche và de Streel (2021) lý giải quy định phòng ngừa đối với vị trí mạnh, bền vững: DMA không thay thế pháp luật cạnh tranh mà đặt nghĩa vụ trước cho doanh nghiệp được chỉ định theo từng dịch vụ nền tảng cốt lõi.

Nghiên cứu về tự ưu tiên xem vai trò vừa kiểm soát trung gian vừa cạnh tranh là nguồn xung đột lợi ích. Colangelo (2023) và Peitz (2023) lưu ý phải xem xét khả năng loại trừ và lý do khách quan. Google Shopping minh họa ưu tiên hiển thị; vụ Amazon kết thúc bằng cam kết về dữ liệu người bán, Buy Box và Prime. Các vụ này chỉ gợi mở rủi ro, không chứng minh tư cách nền tảng tích hợp theo luật Việt Nam.

2.2. Khoảng trống nghiên cứu và cơ sở phân tích

Các công trình quốc tế chủ yếu bàn về doanh nghiệp gác cổng, vị trí thống lĩnh hoặc quan hệ nền tảng với người dùng kinh doanh. Điều 19 Luật Thương mại điện tử năm 2025 điều chỉnh hẹp hơn: quan hệ giữa chủ quản nền tảng tích hợp và nền tảng được tích hợp. Vì vậy, tiêu chí DMA không thể được chuyển nguyên trạng.

Khoảng trống nghiên cứu gồm: phân biệt nền tảng tích hợp, nền tảng số lớn, doanh nghiệp thống lĩnh và chủ thể kiểm soát tiếp cận; chuyển vai trò của ngõ, sự phụ thuộc và vị trí bền vững thành yếu tố chứng minh được; đồng thời thiết kế thẩm quyền, gánh nặng chứng minh và hậu quả pháp lý.

Cơ sở phân tích gồm 3 yêu cầu: nghĩa vụ phải gắn với quyền lực của dịch vụ cụ thể; chỉ định phòng ngừa cần chứng cứ về khả năng kiểm soát bền vững nhưng không đòi hỏi thiệt hại thực tế; và tư cách mới chỉ bổ sung, không thay thế Luật Cạnh tranh năm 2018.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích Điều 3, Điều 19 Luật Thương mại điện tử năm 2025; các nghị định số 55/2024/NĐ-CP, 137/2024/NĐ-CP, 248/2026/NĐ-CP; cùng Điều 9, Điều 24, Điều 26, Điều 27 Luật Cạnh tranh năm 2018 và Nghị định số 35/2020/NĐ-CP.

Phương pháp so sánh chức năng được áp dụng với cơ chế chỉ định, nghĩa vụ và rà soát tại DMA. So sánh chỉ nhằm tìm giải pháp cho chức năng xác định trước chủ thể kiểm soát cửa ngõ, không giả định Việt Nam và Liên minh châu Âu tương đồng về thị trường, cơ quan hay loại dịch vụ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Các tư cách pháp lý

Thứ nhất, nền tảng thương mại điện tử tích hợp là tư cách dựa vào cấu trúc dịch vụ: nền tảng cho phép nền tảng thương mại điện tử khác được tích hợp. Tư cách này không phụ thuộc quy mô, thị phần hay khả năng thay thế; một dịch vụ mới vẫn là nền tảng tích hợp dù chưa có quyền lực đáng kể.

Thứ hai, nền tảng số lớn chủ yếu dựa vào số tài khoản hoặc việc thuộc nhóm nền tảng số trung gian quy mô lớn, rất lớn. Cơ chế tự xác định và báo cáo thuận lợi cho quản lý quy mô nhưng số tài khoản toàn nền tảng không chỉ ra dịch vụ tích hợp tạo sự phụ thuộc, còn có thể bị ảnh hưởng bởi tài khoản trùng hoặc ít hoạt động.

Thứ ba, vị trí thống lĩnh theo Điều 24 Luật Cạnh tranh năm 2018 dựa vào sức mạnh thị trường đáng kể hoặc thị phần từ 30% trở lên. Điều 26 và Nghị định số 35/2020/NĐ-CP cho phép xem xét rào cản gia nhập, kiểm soát phân phối, công nghệ, hạ tầng và thị trường liên quan. Tuy nhiên, áp dụng Điều 27 vẫn cần xác định vị trí thống lĩnh và hành vi cụ thể.

Thứ tư, tư cách kiểm soát tiếp cận được đề xuất là tư cách phòng ngừa theo từng dịch vụ. Chủ quản chỉ bị chỉ định khi có khả năng đáng kể, bền vững trong việc quyết định điều kiện để nền tảng được tích hợp tiếp cận nhóm người dùng có ý nghĩa thương mại và không có kênh thay thế tương đương với chi phí, thời gian hợp lý. Đây không phải kết luận lạm dụng vị trí thống lĩnh.

Bảng 1. Đối chiếu cơ chế hiện hành của Việt Nam với cơ chế chỉ định theo DMA

Nội dung	Việt Nam	DMA	Giá trị tham khảo cho Việt Nam
Chủ thể	Chủ quản nền tảng tích hợp đồng thời là nền tảng số lớn	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nền tảng cốt lõi được chỉ định là gatekeeper	Không đồng nhất loại hình; chỉ so sánh chức năng
Ngưỡng	Từ 3.000.000 tài khoản hoạt động hằng năm hoặc thuộc nhóm nền tảng trung gian lớn, rất lớn	Ngưỡng doanh thu/vốn hóa, người dùng cuối và người dùng kinh doanh tại Điều 3(2)	Ngưỡng chỉ tạo suy đoán, không thay thế đánh giá dịch vụ
Đánh giá định tính	Chưa có phép đánh giá riêng đối với quyền lực trong quan hệ tích hợp	Điều 3(8) xem xét quy mô, hiệu ứng mạng, khóa chặt, tích hợp dọc và vị trí bền vững	Cần quy định yếu tố có thể chứng minh và quyền bác bỏ
Phạm vi	Nghĩa vụ gắn với chủ quản nền tảng tích hợp là nền tảng số lớn	Quyết định chỉ định xác định từng dịch vụ nền tảng cốt lõi	Chỉ định theo dịch vụ, không theo toàn bộ tập đoàn

Thủ tục	Chưa có quyết định chỉ định riêng	Ủy ban châu Âu ban hành quyết định, doanh nghiệp có quyền trình bày	Phải giao một cơ quan chịu trách nhiệm cuối cùng
Rà soát	Chưa có chu kỳ cho tư cách kiểm soát tiếp cận	Rà soát ít nhất ba năm một lần và theo dõi liên tục	Kết hợp báo cáo hằng năm, rà soát toàn diện và rà soát bất thường

4.2. Cách thức nhận diện theo từng dịch vụ tích hợp

Cách thức nhận diện nên gồm ba điều kiện và một bước kiểm tra giới hạn. Điều kiện thứ nhất là vai trò cửa ngõ của dịch vụ cụ thể, được đánh giá qua nhóm người dùng cần tiếp cận, tỷ lệ lưu lượng, khách hàng hoặc giao dịch qua dịch vụ và kênh thay thế. Quy mô toàn nền tảng chỉ hỗ trợ; nếu nền tảng thành viên tiếp cận cùng nhóm khách hàng qua kênh khác với chi phí hợp lý thì chưa có vai trò cửa ngõ.

Điều kiện thứ hai là sự phụ thuộc đáng kể của nền tảng được tích hợp, thể hiện qua tỷ lệ truy cập hoặc giao dịch qua kết nối; chi phí chuyển giao diện lập trình; khả năng chuyển dữ liệu, đánh giá và lịch sử giao dịch; thời gian khôi phục người dùng; doanh thu phát sinh và khả năng tích hợp đồng thời với nền tảng khác. Dữ liệu người bán chỉ là chứng cứ bổ trợ.

Điều kiện thứ ba là tính bền vững của quyền quyết định, được đánh giá qua hiệu ứng mạng, lợi thế dữ liệu, kinh tế theo quy mô và phạm vi, tích hợp dọc, quyền đặt tiêu chuẩn kỹ thuật, chấp thuận kết nối, hạn chế dữ liệu và đơn phương đổi điều kiện. Điều 3(8) DMA chỉ là nguồn tham khảo chức năng.

Bước kiểm tra giới hạn phân biệt chỉ định phòng ngừa với chứng minh vi phạm. Cơ quan không phải chứng minh tác động loại trừ đã xảy ra nhưng hồ sơ phải cho thấy khả năng ảnh hưởng đáng kể, có thể dự liệu đến điều kiện tiếp cận. Yêu cầu chứng minh đầy đủ như vụ việc cạnh tranh làm mất ý nghĩa của tư cách mới; chỉ dựa vào số tài khoản lại không gắn với rủi ro cần điều chỉnh.

4.3. Hạn chế của pháp luật hiện hành

Hạn chế thứ nhất là khoản 2 Điều 19 gán nghĩa vụ với quy mô toàn nền tảng, không với quyền lực của dịch vụ tích hợp. Vì vậy, nền tảng đạt ngưỡng nhờ dịch vụ khác vẫn có thể chịu nghĩa vụ, trong khi dịch vụ chuyên biệt dưới ngưỡng nhưng khó thay thế lại bị bỏ sót.

Hạn chế thứ hai là pháp luật chưa phân biệt nền tảng với dịch vụ. Điều 20 Nghị định số 248/2026/NĐ-CP quy định trách nhiệm của cấu trúc tích hợp nhưng không xác định chức năng tạo vai trò cửa ngõ, như phân phối lưu lượng, thanh toán, dữ liệu hay hiển thị. Áp dụng cho toàn hệ sinh thái có thể quá rộng, còn quy định chung khó giám sát.

Hạn chế thứ ba là chưa có thủ tục bác bỏ hoặc bổ sung suy đoán. Nghĩa vụ tự xác định số tài khoản không trả lời ai chứng minh vai trò cửa ngõ, trường hợp chỉ định dưới ngưỡng, chứng cứ bác bỏ của doanh nghiệp và chuẩn đánh giá của cơ quan.

Hạn chế thứ tư là quan hệ với Luật Cạnh tranh chưa rõ. Điều 27 có thể điều chỉnh ràng buộc, áp đặt điều kiện bất lợi hoặc ngăn cản gia nhập khi đủ điều kiện nhưng không có điều cấm độc lập về tự ưu tiên. Chế độ phòng ngừa vì vậy phải mô tả hành vi, ngoại lệ và gánh nặng chứng minh.

Hạn chế thứ năm là chưa có cơ chế thực thi cho tư cách kiểm soát tiếp cận vì tư cách này chưa được luật ghi nhận. Phải chứng minh nhu cầu, xác định điều kiện và nghĩa vụ trước khi thiết kế thẩm quyền, giám sát, khắc phục và chế tài.

4.4. Kiến nghị hoàn thiện quy định nhận diện

Thứ nhất, tư cách và nghĩa vụ mới phải được ghi nhận trong Luật Thương mại điện tử. Có thể sửa khoản 2 Điều 19 theo hướng: “Chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp có vị trí kiểm soát việc tiếp cận thị trường đối với một dịch vụ tích hợp không được buộc nền tảng được tích hợp sử dụng dịch vụ do mình

cung cấp hoặc chỉ định, trừ thỏa thuận hợp tác rõ ràng, minh bạch; không được ngăn cản nền tảng được tích hợp kinh doanh hoặc giao kết với nền tảng bên ngoài. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự chỉ định, rà soát và cung cấp thông tin”. Quy mô chỉ là dấu hiệu sàng lọc.

Thứ hai, quy trình gồm hai bước. Sàng lọc định lượng sử dụng dữ liệu của dịch vụ cụ thể: số nền tảng được tích hợp hoạt động, người dùng tiếp cận qua dịch vụ, giá trị, số lượng giao dịch và thời gian duy trì. Chính phủ chỉ ban hành ngưỡng sau khi có dữ liệu thị trường; ngưỡng 3.000.000 tài khoản chỉ nên tham chiếu cho nghĩa vụ thông báo.

Bước đánh giá định tính áp dụng vai trò cửa ngõ, sự phụ thuộc đáng kể và tính bền vững. Đạt ngưỡng chỉ tạo suy đoán có thể bác bỏ bằng chứng về sử dụng nhiều kênh, khả năng chuyển dữ liệu, chi phí tích hợp lại hoặc sức ép cạnh tranh. Chỉ định dưới ngưỡng cần chứng cứ rõ và giải thích vì sao kênh thay thế không tương đương.

Thứ ba, cơ quan ban hành quyết định phải chứng minh các yếu tố cấu thành; doanh nghiệp cung cấp thông tin trong phạm vi kiểm soát hợp pháp và chứng minh tình tiết bác bỏ suy đoán. Không hợp tác sau yêu cầu hợp pháp có thể dẫn đến suy luận bất lợi nhưng phải nêu giới hạn. Chuẩn quyết định là đủ căn cứ từ tổng thể chứng cứ về khả năng kiểm soát bền vững, không đòi hỏi thiệt hại thực tế.

Thứ tư, quyết định phải theo từng dịch vụ và ghi rõ chủ thể, dịch vụ, nhóm nền tảng bị ảnh hưởng, dữ liệu sử dụng, thời điểm phát sinh nghĩa vụ và phân công khai. Mở rộng sang dịch vụ khác cần quyết định bổ sung để bảo đảm tính tương xứng.

4.5. Thẩm quyền, dữ liệu và thực thi

Một cơ quan phải chịu trách nhiệm cuối cùng về chỉ định. Theo Nghị định số 03/2023/NĐ-CP, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia thuộc Bộ Công Thương. Luật có thể giao Bộ trưởng hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định trên cơ sở hồ sơ chuyên ngành và ý kiến bắt buộc của Ủy ban. Ủy ban đánh giá sức mạnh thị trường, khả năng thay thế và tác động cạnh tranh; đơn vị quản lý thương mại điện tử thu thập dữ liệu chuyên ngành. Tổ liên ngành chỉ tham mưu nếu không được Luật giao quyền quyết định.

Nghĩa vụ cung cấp thông tin phải cần thiết và khả thi, có thể gồm số nền tảng được tích hợp, truy cập hoặc giao dịch qua kết nối, tiêu chuẩn kỹ thuật, phí, điều kiện dữ liệu, trường hợp từ chối hoặc chấm dứt tích hợp và thay đổi điều khoản. Pháp luật phải quy định cách loại trừ tài khoản trùng, kỳ báo cáo, lấy mẫu và kiểm toán độc lập.

Bí mật kinh doanh và dữ liệu cá nhân phải được bảo vệ. Doanh nghiệp được tiếp cận phần hồ sơ làm căn cứ bất lợi, giải trình và đề nghị bảo mật; quyết định công khai chỉ nêu dữ liệu tổng hợp và lập luận cần thiết. Yêu cầu dữ liệu phải tuân thủ nguyên tắc tối thiểu hóa.

Cơ chế rà soát gồm: báo cáo hằng năm, rà soát định kỳ và rà soát bất thường khi cấu trúc dịch vụ, quyền kiểm soát kỹ thuật hoặc khả năng thay thế thay đổi lớn. Chu kỳ cụ thể cần dựa trên thực tiễn; quyết định tiếp tục có hiệu lực khi xem xét lại, trừ trường hợp tạm đình chỉ có lý do.

Hệ quả chỉ định phải bám sát quan hệ nền tảng với nền tảng. Ngoài khoản 2 Điều 19, có thể yêu cầu điều kiện tích hợp minh bạch, khách quan, không phân biệt đối xử; cấm buộc dùng dịch vụ phụ trợ và sử dụng dữ liệu không công khai để cạnh tranh; bảo đảm truy cập dữ liệu; đồng thời cho phép con người xem xét quyết định từ chối, hạ thứ hạng, tạm ngừng hoặc chấm dứt tích hợp. Nghĩa vụ tự ưu tiên phải xác định đối tượng so sánh, dạng ưu tiên, lý do khách quan và gánh nặng chứng minh.

Thực thi cần có báo cáo tuân thủ, quyền yêu cầu thông tin, kiểm tra, biện pháp tạm thời, khắc phục và chế tài tương xứng. Cơ quan có thể yêu cầu chấm dứt điều khoản buộc sử dụng dịch vụ, khôi phục kết nối hoặc cung cấp quyền truy cập dữ liệu. Chủ thể bị ảnh hưởng được yêu cầu bồi thường khi chứng minh thiệt hại và quan hệ nhân quả; quyết định chỉ định có thể bị khiếu nại, khởi kiện hành chính.

5. Kết luận

Luật Thương mại điện tử năm 2025 đã nhận diện quan hệ đặc thù giữa chủ quản nền tảng tích hợp và nền tảng được tích hợp. Tuy nhiên, việc gắn nghĩa vụ tại khoản 2 Điều 19 với tư cách nền tảng số lớn chưa phản ánh trực tiếp quyền lực của dịch vụ cụ thể. Cấu trúc tích hợp, quy mô tài khoản, vị trí thống lĩnh và kiểm soát tiếp cận là các tư cách liên quan nhưng không đồng nhất.

Bài viết đề xuất thiết lập tư cách kiểm soát tiếp cận theo từng dịch vụ, được nhận diện qua vai trò của ngõ, sự phụ thuộc đáng kể và tính bền vững bằng 2 bước định lượng, định tính. Ngưỡng chỉ tạo suy đoán có thể bác bỏ; cơ quan phải chứng minh từ tổng thể chứng cứ và doanh nghiệp có quyền giải trình, bảo mật, khiếu kiện.

Tư cách mới phải đi kèm nghĩa vụ và thực thi rõ ràng: một cơ quan chịu trách nhiệm cuối cùng, vai trò tham vấn của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, giới hạn dữ liệu, rà soát định kỳ, biện pháp khắc phục và chế tài. Cách tiếp cận này bổ sung chứ không thay thế yêu cầu xác định vị trí thống lĩnh và hành vi lạm dụng theo Luật Cạnh tranh ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Belleflamme, P., Peitz, M. (2019). Platform competition: Who benefits from multihoming? *International Journal of Industrial Organization*, 64, 1-26.
- Cennamo, C. (2021). Competing in digital markets: A platform-based perspective. *Academy of Management Perspectives*, 35(2), 265-291.
- Colangelo, G. (2023). Antitrust unchained: The EU's case against self-preferencing. *GRUR International*, 72(6), 538-556.
- European Commission (2017). Commission Decision of 27 June 2017, Case AT.39740 - Google Search (Shopping). <<https://competition-cases.ec.europa.eu/cases/AT.39740>>.
- European Commission (2022). Commission Decision of 20 December 2022, Cases AT.40462 - Amazon Marketplace and AT.40703 - Amazon Buy Box. <<https://competition-cases.ec.europa.eu/cases/AT.40462>>.
- European Parliament, Council of the European Union (2022). Regulation (EU) 2022/1925 on contestable and fair markets in the digital sector. *Official Journal of the European Union*, L 265, 1-66.
- Fletcher, A. (2023). International pro-competition regulation of digital platforms: Healthy experimentation or dangerous fragmentation? *Oxford Review of Economic Policy*, 39(1), 12-33.
- Graef, I. (2019). Differentiated treatment in platform-to-business relations: EU competition law and economic dependence. *Yearbook of European Law*, 38, 448-499.
- Hagiu, A., Wright, J. (2015). Multi-sided platforms. *International Journal of Industrial Organization*, 43, 162-174.
- Jullien, B., Sand-Zantman, W. (2021). The economics of platforms: A theory guide for competition policy. *Information Economics and Policy*, 54, Article 100880.
- Larouche, P., de Streel, A. (2021). The European Digital Markets Act: A revolution grounded on traditions. *Journal of European Competition Law & Practice*, 12(7), 542-560.
- Peitz, M. (2023). How to apply the self-preferencing prohibition in the DMA. *Journal of European Competition Law & Practice*, 14(5), 310-315.
- Rochet, J.-C., Tirole, J. (2003). Platform competition in two-sided markets. *Journal of the European Economic Association*, 1(4), 990-1029.